TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 21 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 21/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 07/02/2020 đối với bị cáo:

Trần Văn Tr, sinh ngày 25/12/1980 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Trần Xuân B, sinh năm 1954 và bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1982, có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền sự: Không. Tiền án: Bản án số 81/2016/HSST ngày 18/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo chấp hành xong hình phạt tháng 5/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Dương Thị Thúy H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Xuân B, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người làm chứng:

- Anh Đào Đức K, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ, ngày 24/11/2019, Tr đi xe mô tô biển kiểm soát 34K-11xx đến hiệu thuốc tân dược của chị Dương Thị Thúy H để mua thuốc chữa bệnh, khi vào trong hiệu thuốc và không thấy có ai, Tr phát hiện ở ngăn dưới cùng tủ đựng thuốc có 01 hộp kim loại hình tròn màu xanh, bên trong hộp có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Tr cầm chiếc hộp bên trong có tiền rồi đi về nhà, khi đến cầu Tr, xã M, huyện H, Tr dừng xe, mở hộp và đếm được số tiền 11.487.000 đồng, Tr bỏ tiền vào túi áo rồi vứt hộp xuống sông. Đến ngày 13/12/2019, Tr đến Công an huyện Hưng Hà đầu thú, số tiền trộm cắp được Tr đã chi tiêu hết

Sau khi sự việc xảy ra, Tr đã trả lại chị Dương Thị Thúy H số tiền 11.487.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSHH ngày 20 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố Trần Văn Tr về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới do đó đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như tại bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Văn Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38; điều 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Đào Đức K không có ý kiến gì về lời khai của bị cáo, không có trình bày bổ sung.

Bị cáo Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng và không có tranh luận, bị cáo đề nghị xin nhận lại 01 mũ cối, 01 quần vải nỉ, 01 áo vải nỉ.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn Tr đều khai nhận: Ngày 24/11/2019, bị cáo đến nhà chị H để mua thuốc chữa bệnh, khi thấy nhà chị H không có ai và phát hiện ở ngăn tủ đựng thuốc có 01 hộp màu xanh, bên trong có số tiền 11.487.000 đồng nên bị cáo đã trộm cắp tài sản này để chi tiêu cá nhân, đến ngày 13/12/2019, bị cáo đến Công an huyện Hưng Hà đầu thú về hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại chị Dương Thị Thúy H (bút lục số 01 và bút lục số 114 đến 121); Lời khai của người làm chứng anh Đào Đức K, bà Đoàn Thị Th (bút lục số 124 đến 127). Ngoài ra còn được chứng minh bằng biên bản trích xuất và mở hình ảnh Camera ngày 24/11/2019 (bút lục số 31 đến 35); Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường (bút lục 57 đến 60). Như vậy có đầy đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 BLHS: Tội Trộm cắp tài sản.

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật

……."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả vụ án cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất trật tự an ninh xã hội, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trần Văn Tr đã trộm cắp của chị H số tiền 11.487.000 đồng, như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Mặt khác bị cáo có 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp "tái phạm" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy phải có hình phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng cũng như đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên cũng xét sau khi phạm tội, bị cáo đã khai báo thành khẩn, gây thiệt hại không lớn, đã bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy cần áp dụng các điểm b, h, s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và chị Dương Thị Thúy H đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho chị H số tiền: 11.487.000 đồng, chị H đã nhận đủ số tiền này từ bị cáo, ngoài ra chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

- Bị cáo đã dùng xe mô tô, biển kiểm soát 34K3-11xx, quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của ông Trần Xuân B, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện H (là bố đẻ bị cáo Tr). Khi lấy xe đi, Tr không nói với ông B. Do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông B chiếc xe trên là đúng pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo 01 mũ cối màu xanh cũ, 01 quần vải nỉ, 01 ái vải nỉ. Bị cáo đề nghị được nhận lại các tài sản này. Đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Tr phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 điều 173; Các điểm b, h, s khoản 1, 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; điều 38; điều 50 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn Tr: 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Tr và chị H: Bị cáo Trần Văn Tr bồi thường cho chị Dương Thị Thúy H, sinh năm 1992 ở Thôn Ch, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình số tiền là: 11.487.000 đồng (mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Bị cáo đã bồi thường xong.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 mũ cối màu xanh cũ, 01 quần vải nỉ, 01 áo vải nỉ.

(Chi tiết như tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2020 – BL: 146)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn Tr phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H, ông Bảo vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
-VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNV liên quan;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quang Trác